

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hải và bà Phạm Thị Thùy Lê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thanh T** – sinh năm 2000; Địa chỉ: thôn L, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Trần Danh T** – Luật sư văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn T** – sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Danh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 29/12/2021. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng rồi phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Giữa các bên không tìm được tiếng nói chung. Chị T mang thai tháng thứ hai thì về cha mẹ đẻ sinh sống. Chị T thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh T được nữa, hôn nhân không đạt được. Chị T đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân giữa chị T và anh T có 01 con chung tên Phạm Trần Duy H – sinh ngày 01/11/2022, cháu H đang sống cùng chị T. Đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024.

Về tài sản chung: Trong thời gian hôn nhân chị T và anh T tạo được khối tài sản chung là

vàng do cha mẹ hai bên tặng cho lúc cưới là 2,3 cây vàng y - 9999 và nợ chung: Đã sử dụng chung hết 1,3 cây vàng. Còn lại 01 cây (10 chỉ). Đề nghị Tòa án chia đều cho chị T và anh T

Về nợ chung: Không có.

Chị T thống nhất như trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân giữa anh và Thúy. Anh muốn đoàn tụ với chị T nhưng chị T cương quyết ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất với trình bày của chị T về phần con chung. Anh và chị T có 01 con chung tên Phạm Trần Duy H – sinh ngày 01/11/2022, cháu H đang sống cùng chị T. Anh đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị T, anh cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024.

Về tài sản chung: Anh thống nhất với trình bày của chị T về số vàng cha mẹ hai bên tặng cho lúc cưới là 2,3 cây vàng y. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà cha mẹ anh, vàng được cất giữ trong nhà anh, chị T về nhà cha mẹ đẻ từ tháng 3/2022 đến nay, anh phải bán vàng chi tiêu cho anh và lo sữa cho con. Hiện tại tài sản chung không còn.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự được tổng đạt hợp lệ và có mặt tại phiên tòa nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 29/12/2021. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp, anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2022. Tại phiên tòa, anh chị

đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T.

Về con chung: chị T và anh T có 01 con chung tên Phạm Trần Duy H – sinh ngày 01/11/2022, cháu H đang sống cùng chị T. Các đương sự đồng ý để chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao cháu Phạm Trần Duy H – sinh ngày 01/11/2022, cho Thúy tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: các bên đương sự thống nhất số vàng hai bên gia đình tặng cho lúc cưới 2,3 cây vàng y - 9999. Đã sử dụng chung 5,5 chỉ. Số vàng còn lại 1,75 cây, anh T trình bày đã sử dụng hết. Hội đồng xét xử thấy, vàng cha mẹ cho được cất giữ tại nhà anh T. Qua nhiều lần hòa giải nhưng anh T không chứng minh được số vàng đã sử dụng như thế nào nên không có cơ sở chấp nhận. Mặc khác Thời gian các bên còn sống chung khoảng 01 năm đã sử dụng chung 5,5 chỉ, tương ứng mỗi người sử dụng 2,5 chỉ trong 1 năm. Còn lại 1,75 cây anh T đang giữ. Thời gian chị T mang thai con 02 tháng rồi sinh con thì về nhà mẹ đẻ sinh sống khoảng 02 năm, anh đã sử dụng 05 chỉ cho bản thân anh và 2,5 chỉ dùng vào việc mua sữa cho con là phù hợp. Số vàng còn lại 01 cây (10 chỉ) anh T đang giữ phải chia đều cho chị và anh T, mỗi người 05 chỉ là phù hợp nên chấp nhận.

Giá vàng y – 9999 tại thời điểm xét xử ngày 06/5/2024: 7.450.000đ (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)/chỉ.

Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận theo quy định của pháp luật. Mức án phí đối với tài sản chung được nhận của các đương sự như sau: 5 chỉ vàng y = $(7.450.000đ \times 5) \times 5\% = 1.862.500đ$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn T.

[2] Về con chung: giao cháu Phạm Trần Duy H – sinh ngày 01/11/2022 cho chị Trần Thị Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về Tài sản chung: Anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị T 05 chỉ vàng y – 9999 là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Giá vàng y tại thời điểm xét xử: 7.450.000đ (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)/chỉ.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.862.500đ (Một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0010569, ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Phú Yên nên còn phải tiếp tục nộp 1.862.500đ (Một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An. Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và và 1.862.500đ (Một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trả chậm quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương

- THADS huyện;
- Dương sự;
- UBND xã An Ninh Tây ;
- Lưu hồ sơ; Ấn Văn.